TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2022/DS-PT
Ngày 12-12-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành H1 là luật sư của Công ty TNHH Luật M thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên Q:*

1. Bà Lâm Thị Kim H, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Số 66/3 đường C, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt).

2. Ông Nguyễn Lý Vạn P, sinh năm 2003. Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*:

1. Ông Nguyễn Ngọc H là nguyên đơn.

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm N là bị đơn.

3. Bà Lâm Thị Kim H là người có quyền và nghĩa vụ liên Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn Q (chết năm 2006) và bà Nguyễn Thị C (chết năm 2003) là cha mẹ của bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông. Ngày 12/02/1997, cha ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số K089695 đối với thửa đất số 182, diện tích là 348m^2, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An. Trên thửa đất số 182 cha mẹ ông có xây một căn nhà cấp 4.

Năm 1991, cha mẹ ông cho chị ruột là bà N một phần thửa đất số 182 có diện tích 27m^2 (chiều ngang 3m x chiều dài 9m). Đến ngày 25/4/2003, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất được cho số W439107 thửa 761, diện tích 27m^2, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Năm 1993, cha mẹ ông cho ông phần diện tích 321m^2 còn lại và căn nhà trên thửa đất số 182, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An. Đến ngày 04/5/2004, ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 633080 thửa đất số 182, diện tích 321m^2, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An. Khi cha mẹ cho ông đất thì không có đo đạc, không ký giáp ranh với các hộ xung Quanh. Do ông có nhà ở Tân An nên không ở trong căn nhà của cha mẹ để lại trên thửa 182.

Cha mẹ chỉ cho bà N diện tích 27m^2 thuộc thửa 761 còn căn nhà và phần diện tích còn lại là cho ông. Do bà N không sống được bên nhà chồng nên cha mẹ cho bà N ở cái chái (nhà tạm) liền kề với căn nhà cấp 4 của ông. Bà N sau khi sử dụng một phần ngôi nhà đã cơi nới xây thêm lấn chiếm thêm thửa đất số 182 của ông. Bà N hiện đang sử dụng phần đất có tổng diện tích là 59.4m^2 gồm khu B diện tích 24m$^{2\cdot}$, khu C diện tích 8.8m^2, khu D diện tích 23.2m^2, khu E diện tích 3.4m^2 (Theo Mảnh trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 23/3/2022). Do đó, bà N đã lấn chiếm một phần thửa đất số 182 của ông gồm khu B diện tích 24m$^{2\cdot}$, khu C diện tích 8.8m^2 (tổng cộng là 32.8m^2).

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà N trả cho ông phần đất lấn chiếm có ký hiệu khu B diện tích 24m^2, khu C diện tích 8.8m^2 thuộc một phần thửa đất số 182, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An và bà N phải tháo dỡ toàn bộ

công trình kiến trúc đã xây dựng (căn nhà) có trên phần đất tranh chấp để trả đất lại cho ông.

Thửa đất 182, diện tích 321m^2, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An của ông không thực hiện bất kỳ giao dịch nào làm phát sinh quyền lợi người thứ ba. Về Mảnh trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 23/3/2022 và Biên bản định giá ngày 10/5/2021 ông không có ý kiến, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Năm 2003, bà được cha Nguyễn Văn Q, mẹ Nguyễn Thị C cho phần đất có diện tích 27m^2 (chiều ngang 3m x chiều dài 9m) thuộc một phần thửa đất số 182, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An. Ngày 25/4/2003, bà được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 761, diện tích 27m^2, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An. Khi cha mẹ cho đất là có cho luôn phần nhà trên đất, có địa chính xuống đo đạc. Khi bà nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 761, bà có xem Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 25/02/2003. Bà không có thắc mắc gì và cũng không hiểu do là người dân.

Khi cha mẹ cho đất là đã có sẵn nhà (nhà xây hết diện tích 27m^2). Cha mẹ cho sao thì bà ở vậy không có xây lấn chiếm đất của ông H. Vào tháng 5/2021, bà có xây lại nhà trên nền nhà cũ. Bà không có xây dựng gì thêm công trình kiến trúc trên đất, chỉ sửa chữa lại nhà trên khuôn viên đất 27m^2 được cho. Do đó, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H vì bà không lấn chiếm đất của ông H và không còn chỗ ở nào khác.

Thửa đất 761, diện tích 27m^2, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An của bà không thực hiện bất kỳ giao dịch nào làm phát sinh quyền lợi người thứ ba. Đây là tài sản riêng của bà, không liên Q đến cá nhân nào khác, không liên Q đến ông Nguyễn Lý Vạn P con của bà. Căn nhà trên đất hiện nay cũng là của riêng bà, con bà còn nhỏ không có đóng góp gì.

Về Mảnh trích đo của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 23/3/2022 và Biên bản định giá ngày 10/5/2021 bà không có ý kiến. Bà chỉ thắc mắc nhà của bà đo đạc chiều ngang chỉ còn 2.5m là chưa có đủ 3m chiều ngang mà cha mẹ bà đã cho nhưng bà không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên Q bà Lâm Thị Kim H trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông H. Bà trình bày bổ sung: Bà N nói không có xây thêm nhà phía sau và phía trước mà nói không xây dựng thêm là không đúng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 761 của bà N chỉ có diện tích 27m^2 thì bà N chỉ được sử dụng 27m^2, phần đất bà N sử dụng hơn thì yêu cầu trả lại gồm khu B diện tích 24m^2, khu C diện tích 8.8m^2 (tổng cộng là 32.8m^2) thuộc một phần thửa đất số 182, diện tích 321m^2, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An và phải tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng

là nhà ở có trên phần đất tranh chấp để trả đất lại cho vợ chồng bà. Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đặng và bà Nguyễn Thị Dung thống nhất trình bày: Các bà có mối Q hệ là chị em ruột của bà N, ông H. Năm 2003 cha mẹ có cho bà N phần đất có diện tích 27m^2 (chiều ngang 3m x chiều dài 9m). Khi cho đất là đã có nhà do cha mẹ cất sẵn, có đo đạc, có lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Cẩm N.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng phần đất khu B diện tích 24m^2 + khu C diện tích 8.8m^2 = 32.8m^2 thuộc một phần thửa đất số 182, loại đất thổ, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Ngọc H với số tiền 166.296.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Cẩm N được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu khu B diện tích 24m^2 + khu C diện tích 8.8m^2 = 32.8m^2 thuộc một phần thửa đất số 182, loại đất thổ, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An.

(Theo Mảnh trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 23/3/2022).

Ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Cẩm N được quyền liên hệ với cơ Q nhà nước có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 29/7/2022, Tòa án nhân dân huyện T nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H và bà Lâm Thị Kim H đề ngày 29/7/2022 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09/8/2022, Tòa án nhân dân huyện T nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm N đề ngày 08/8/2022 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông H không rút đơn khởi kiện; ông H, bà H và bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Nguyễn Thành H1 và ông Nguyễn Ngọc H, bà Lâm Thị Kim H thống nhất trình bày:

Giữa hai bên trong vụ án không có giao dịch về chuyển nhượng đất, không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng và không thỏa thuận được việc giao đất tại khu B, C nhưng cấp sơ thẩm xử buộc ông H phải bán hai khu đất này cho bà N là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự. Do đó đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm liên Q 32,8m^2 mà cấp sơ thẩm giao cho bà N có quyền sử dụng.

Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có đủ cơ sở xác định bà N có hành vi lấn chiếm đất, ông H đã phản đối việc xây mới trái phép của bà N, bị con bà N hành hung gây thương tích cho ông H dẫn đến con bà N bị kết tội cố ý gây thương tích. Bà N cho rằng khi xây nhà được Chủ tịch UBND xã cho phép là không có căn cứ vì không có gì chứng minh.

Vì vậy yêu cầu cấp phúc thẩm phải chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H bà H, buộc bà N phải tháo dỡ nhà để trả diện tích đất 32,8m^2 cho ông H. Trường hợp xét thấy việc tháo dỡ gây thiệt hại nhiều cho bà N thì ông H bà H đồng ý hoàn trả giá trị phần nhà xây trên diện tích đất 32,8m^2 cho bà N để bà N trả 32,8m^2 đất cùng phần nhà có trên đất cho ông H.

Bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Từ trước đến giờ bà vẫn sử dụng phần đất mà cha mẹ cho bà, chứ hoàn toàn không lấn đất của ông H nên không đồng ý lời trình bày và kháng cáo của luật sư và ông H bà H, yêu cầu cấp phúc thẩm xử chấp nhận kháng cáo của bà, bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cha mẹ cho bà phần đất tranh chấp tại khu B, C. Theo hợp đồng tặng cho từ cha mẹ bà N cho bà N, các giấy tờ liên Q và xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện thì bà N chỉ được cha mẹ cho 27m^2 đất thuộc thửa 761 và bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại khu D, E. Do đó có căn cứ xác định bà N có hành vi lấn đất của ông H tại khu B, C nên bà N kháng cáo cho rằng không lấn đất, yêu cầu xử bác đơn khởi kiện của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, hiện tại bà N không còn chỗ ở nào khác, hoàn cảnh khó khăn, căn nhà đã được xây dựng kiên cố trên diện tích 32,8m^2 thuộc khu B, C nên xét thấy cấp sơ thẩm xử buộc bà N hoàn trả giá trị phần đất lấn chiếm 32,8m^2 cho ông H là phù hợp. Vì vậy, đề nghị bác kháng cáo của ông H và bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, Q hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, được tống đạt hợp lệ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của ông H, bà H và bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Năm 2003 bà N được cha mẹ cho phần đất có diện tích 27m^2 thuộc một phần thửa 182 trên cơ sở hợp đồng tặng cho với hình thức bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực và bà N được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W439107 ngày 25/4/2003 tại thửa 761 với diện tích 27m^2. Quá trình giải quyết vụ án bà N cũng xác nhận chỉ được cha mẹ cho diện tích 27m^2 tại thửa 761 nhưng cho rằng 27m^2 này không tiếp giáp với Quốc lộ 1 (tức thuộc khu D, E) mà thuộc phần đất tranh chấp tại khu B, C theo Mảnh trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 23/3/2022.

[5] Xét thấy, theo Mảnh trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ngày 23/3/2022 thể hiện thửa đất 761 của bà N là phần đất tại khu D, E với diện tích 26,6m^2 còn phần đất tranh chấp tại khu B, C với diện tích 32,8m^2 là thuộc thửa 182 của ông H. Theo Công văn số 649/UBND-NC ngày 31/01/2020 và Công văn số 4273/UBND-NC ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T xác định vị trí thửa đất số 761 (tại khu D, E) cấp cho bà N là có đo đạc, xác định ranh giới mốc giới, có ký giáp ranh và vị trí thửa đất 761 đúng theo vị trí thửa đất thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà N. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số W439107 cấp cho bà N; Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 25/02/2003; Trích lục bản đồ địa chính năm 2003 đều thể hiện vị trí thửa đất 761 của bà N là tiếp giáp Quốc lộ 1A có kích thước chiều ngang 3m x chiều dài 9m, có tứ cận: đông giáp thửa 182 phần còn lại; tây giáp quốc lộ 1A; bắc giáp thửa 181; nam giáp thửa 182 phần còn lại.

[6] Với các chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà N có hành vi lấn đất của ông H tại vị trí tranh chấp thuộc khu B, C với diện tích 32,8m^2 thuộc một phần thửa 182 của ông H nên việc bà N kháng cáo cho rằng không lấn đất, yêu cầu xử bác đơn khởi kiện của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Tuy nhiên, hiện tại bà N không còn chỗ ở nào khác, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thửa đất 761 của bà N diện tích thực tế còn lại chỉ là 26,6m^2 trong khi

hai thửa đất này có nguồn gốc của cha mẹ ông H và bà N để lại, căn nhà bà đã xây dựng kiên cố trên diện tích 32,8m^2 tại khu B, C thuộc thửa 182 của ông H. Do đó cấp sơ thẩm xử buộc bà N hoàn trả giá trị phần đất lấn chiếm 32,8m^2 là 166.296.000 đồng cho ông H để được quyền sử dụng diện tích đất này là phù hợp. Đây không phải giao dịch chuyển nhượng giữa hai bên như ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi của ông H trình bày mà thuộc trường hợp bà N chiếm hữu quyền sử dụng đất của ông H không có căn cứ pháp luật nên phải trả lại cho ông H theo quy định tại các Điều 163, 164, 165, 166 và 221 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, do việc hoàn trả bằng hiện vật là quyền sử dụng đất không khả thi như đã nêu nên phải trị giá thành tiền để buộc bà N hoàn trả cho ông H như án sơ thẩm đã xử. Vì vậy, cần bác kháng cáo của ông H và bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[8] Ông H, bà H và bà N phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H, bà Lâm Thị Kim H và bà Nguyễn Thị Cẩm N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 163, 164, 165, 166, 221 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 95, 99, 100, 166 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 26, 27, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUANH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị Cẩm N về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N phải hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất tại khu B diện tích 24m^2 + khu C diện tích 8.8m^2 = 32.8m^2 thuộc một phần thửa đất số 182, loại đất thổ, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An cho ông Nguyễn Ngọc H với số tiền là 166.296.000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Cẩm N được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu khu B diện tích 24m^2 + khu C diện tích 8.8m^2 = 32.8m^2 thuộc một phần thửa đất số 182, loại đất thổ, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ633080 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông

Nguyễn Ngọc H ngày 04/5/2004. Bà Nguyễn Thị Cẩm N có quyền thực hiện các thủ tục để nhập phần đất có diện tích 32.8m^2 nêu trên vào thửa đất số 761, loại đất thổ, tờ bản đồ số 3, tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh Long An (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 439107 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị Cẩm N ngày ngày 25/4/2003).

(Diện tích và vị trí đất được thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 61-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T duyệt ngày 23/3/2022).

2. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ cơ Q Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất phù hợp với phần tuyên xử nêu trên. Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ Q Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là 2.500.000 đồng. Do ông Nguyễn Ngọc H đã đóng tạm ứng trước nên bà Nguyễn Thị Cẩm N phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền là 2.500.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 8.314.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông H 2.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007784 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

6. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Ngọc H, bà Lâm Thị Kim H phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông H và bà H đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 0002588, 0002589 cùng ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; ông H và bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002596 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tấn Quốc